TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2019/HC-PT
Ngày 31/7/2019;
v/v yêu cầu hủy quyết định hành chính của UBND huyện

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 76/2019/TLPT-HC ngày 14/02/2019 về việc khởi kiện "yêu cầu hủy quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 668/2019/QĐ-PT ngày 21/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú tại số 19/7/28 đường TB, phường TTX, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa;

Người bị kiện: Uỷ ban nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ trụ sở Ủy ban nhân dân huyện NT tại thị trấn NG, huyện NT, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền là Ông VTD, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định theo văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2018, có mặt tại phiên tòa; ông NXH, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NT, có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(1) Bà Đặng Thị Ng, (2) Anh Lưu Đình T1, (3) Anh Lưu Đình T2 có cùng địa chỉ nơi cư trú tại xóm Đ, xã HQ, huyện NT, tỉnh Nam Định, đều vắng mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Vũ Văn B và các tài liệu do Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1999, được biết Uỷ ban nhân dân xã HQ, huyện NT, tỉnh Nam Định bán đất giãn cư mặt đường 21B với giá 7.000.000 đồng/01 lô. Ông Vũ Văn B đã nhờ em đồng hao là ông Lưu Đình Th nộp tiền mua giúp 02 lô đất. Ngày 04/12/1999, ông Thu nộp tiền và được ông Nguyễn Thế B là Thủ quỹ của Uỷ ban nhân dân xã HQ viết cho 02 Phiếu thu mang tên Lưu Đình T và Lưu Đình T2 với giá 7.000.000 đồng/01 lô. Sau đó một tuần thì Uỷ ban nhân dân xã tiến hành đo đạc, cắm mốc giới, giao 02 lô đất cho ông Vũ Văn B và ông Vũ Văn B đã sử dụng từ năm 1999 cho đến nay, không có tranh chấp. Đến năm 2003, Uỷ ban nhân dân cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao cho ông nhưng lại mang tên Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 nên ông không nhận. Uỷ ban nhân dân xã có giải thích cho ông rằng, do ông Vũ Văn B không có hộ khẩu ở xã, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên hai ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2, sau này sẽ làm sổ đỏ chính chủ mang tên ông Vũ Văn B.

Năm 2009, đường 21B mở rộng vào phần đất của ông 135,10 m^2 Nhà nước trả tiền bồi thường là 23.033.300 đồng. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T và ông T2 nên Ban giải phóng mặt bằng đã hướng dẫn và nhờ hai ông có tên trong giấy chứng nhận làm giấy uỷ quyền cho ông Vũ Văn B lĩnh tiền. Do thời điểm này ông Lưu Đình T2 đã chết nên bà Tuyết là vợ ông T2 và ông T đã ký giấy uỷ quyền cho ông, sau đó ông Vũ Văn B đã lĩnh tiền đền bù. Ngày 22/5/2009, ông Vũ Văn B bàn giao 135,10 m^2 đất cho Ban giải phóng mặt bằng. Ngày 17/7/2005, ông có đơn trình bày sự việc và đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính chủ mang tên ông nhưng xã không giải quyết. Sau đó ông Nguyễn Thế B (nay là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã) đã hướng dẫn ông viết đơn lên Uỷ ban nhân dân huyện giải quyết mới đúng thẩm quyền nên ông đã gửi đơn lên Uỷ ban nhân dân huyện NT giải quyết. Ngày 11/9/2015, Uỷ ban nhân dân huyện NT có Văn bản số 416/UBND-PTP trả lời yêu cầu của ông Vũ Văn B.

Do chính quyền cấp không đúng tên của ông nên ông Vũ Văn B đề nghị huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2, đồng thời buộc Uỷ ban nhân dân huyện NT phải cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Vũ Văn B để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông.

Người bị kiện trình bày: Về nguồn gốc 02 thửa đất là do trúng đấu giá từ năm 1999. Quá trình lập hồ sơ, tổ chức đấu giá đất: Ngày 09/2/1999, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 177-1999/QĐ-UBND về việc chuyển mục đích sử

dụng đất cho nhân dân xã HQ, huyện NT để làm nhà ở thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 1998.

Ngày 09/10/1999, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất huyện NT đã tổ chức đấu giá, trong đó có khu vực Mả Râm thuộc tờ bản đồ số 5, thửa 2074. Theo bản đồ địa chính xã HQ có 03 lô được đưa ra đấu giá. Theo danh sách các hộ trúng giá 03 lô đất là ông Phùng Kiên Cường lô số 1, ông Lưu Đình T lô số 2 và ông Lưu Đình T2 lô số 3, với tổng số tiền trúng giá là 5.000.000 đồng/lô.

Ngày 29 tháng 10 năm 1999, Uỷ ban nhân dân huyện NT lập Tờ trình số 147/TTr-UB về việc xin chuẩn y kết quả đấu giá ở tại xã HQ. Ngày 08/11/1999, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 1713/QĐ-UB về việc chuẩn y kết quả đấu giá đất tại xã HQ cho 25 hộ dân, trong đó có 02 hộ là ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 đều đã trúng giá 02 lô đất tại khu vực Mả Râm.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UB ngày 08/11/1999 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc chuẩn y giá, Uỷ ban nhân dân xã HQ đã phối hợp với các ngành chức năng của huyện để tổ chức thu tiền đấu giá của các hộ đối với lô đất số 2 và lô đất số 3 mang tên người trúng giá là hộ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2. Ông Lưu Đình Th nộp tiền thay cho ông T2 và ông T (Phiếu thu ngày 04/12/1999).

Sau khi các hộ nộp đủ nghĩa vụ tài chính, Uỷ ban nhân dân huyện ra Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 26/6/2000 về việc giao đất cho nhân dân xã HQ làm nhà ở, trong đó có ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2, đồng thời T2 hành giao đất ngoài thực địa và hướng dẫn Uỷ ban nhân dân xã HQ lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận đất cho 25 hộ trúng giá, trong đó có 02 hộ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2. Sau đó ông T và ông T2 đã đăng ký kê khai đối với 02 lô đất. Thủ tục, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đều do ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 ký.

Ngày 29/01/2003, Uỷ ban nhân dân huyện NT ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2. Uỷ ban nhân dân huyện đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Uỷ ban nhân dân xã HQ để trao cho các hộ dân. Hiện nay ông Vũ Văn B vẫn đang sử dụng 02 mảnh đất và đang giữ 02 giấy chứng nhận mang tên ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2.

Quan điểm của Uỷ ban nhân dân huyện NT khẳng định, quá trình lập hồ sơ, tổ chức đấu giá và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 mảnh đất của hộ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 theo đúng quy định của Luật đất đai năm 1993 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn về thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 là hoàn toàn khách quan, đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều

348 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U979579 ngày 20/01/2003 thửa 6634 đã cấp cho hộ ông Lưu Đình T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U979580 ngày 20/01/2003 thửa 6633 đã cấp cho hộ ông Lưu Đình T đều thuộc tờ bản đồ số 5 tại xã HQ, huyện NT của Uỷ ban nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2018, ông Vũ Văn B kháng cáo, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U979579 ngày 20/01/2003 thửa 6634 cấp cho hộ ông Lưu Đình T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U979580 ngày 20/01/2003 thửa 6633 cấp cho hộ ông Lưu Đình T để cấp lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông (Vũ Văn B).

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

[1] Xem xét về đối tượng khởi kiện, thủ tục tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/01/2003, Uỷ ban nhân dân huyện NT có quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất đủ điều kiện. Tổng số chủ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 25 hộ, trong đó có ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2. Ngày 20/01/2003, hộ ông Lưu Đình T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 6633 thuộc tờ bản đồ số 5 diện tích 80m^2 đất ở; hộ ông Lưu Đình T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 6634 tờ bản đồ số 5 diện tích 80m^2 đất ở.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông Lưu Đình T và hộ ông Lưu Đình T2 là quyết định hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Sau khi nhận được Thông báo số 54/TB-UBND ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện NT, ông Vũ Văn B có đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định, còn thời hiệu khởi kiện, cho nên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn B yêu cầu huỷ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UB ngày 08/11/1999 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định, Uỷ ban nhân dân xã HQ đã tổ chức thu tiền đấu giá của các hộ đối với lô đất số 2 và lô đất số 3 mang tên người trúng giá là hộ các ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2. Tại phiếu thu ngày 04/12/1999 thể hiện ông Lưu Đình Th là người nộp tiền thay cho ông T2 và ông T.

Ngày 26/6/2000, Uỷ ban nhân dân huyện NT ban hành Quyết định số 236/QĐ-UBND về việc giao đất cho nhân dân xã HQ làm nhà ở trong đó có hộ ông Lưu Đình T và hộ ông Lưu Đình T2. Sau đó ông T và ông T2 đều đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất. Thủ tục, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đều do ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 ký.

Ngày 20/01/2003, Uỷ ban nhân dân huyện NT ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Đình T và hộ ông Lưu Đình T2. Uỷ ban nhân dân huyện đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Uỷ ban nhân dân xã HQ để trao cho các hộ dân.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B cũng thừa nhận về việc ông nhờ ông Lưu Đình Th làm thủ tục đấu giá, nộp tiền hộ; ông cũng thừa nhận ông không tham gia đấu giá đất, đồng thời ông cũng không được giao đất tại thực địa. Đến nay ông Vũ Văn B là người quản lý hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên hộ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2; Ông Vũ Văn B là người đang quản lý và sử dụng đối với 02 thửa đất này.

Như vậy, xem xét về toàn bộ trình tự như trên cho thấy, quá trình lập hồ sơ, tổ chức đấu giá đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Đình T và hộ ông Lưu Đình T2 là theo đúng quy định của luật đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U979579 ngày 20/01/2003 đã cấp cho hộ ông Lưu Đình T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U979580 ngày 20/01/2003 đã cấp cho hộ ông Lưu Đình T do Uỷ ban nhân dân huyện NT thực hiện là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng đối tượng theo đúng quy định của Luật đất đai.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Vũ Văn B cũng đều thừa nhận ông không tham gia đấu giá đất; ông cũng không có bất kỳ chứng cứ nào về việc nhờ ông Lưu Đình Th nộp tiền hộ; ông Vũ Văn B cũng không có chứng cứ chứng minh về việc ông đã nhờ ông Lưu Đình T và ông Lưu Đình T2 đứng tên đấu giá đất hộ; ông cũng không được giao đất ở thực địa...

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy: Ông Vũ Văn B khởi kiện, yêu cầu huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên ông Lưu Đình T và Lưu Đình T2 để cấp lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông (Vũ Văn

B) là không có cơ sở, cho nên yêu cầu của ông B không được Uỷ ban nhân dân huyện NT chấp nhận là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Vũ Văn B là có căn cứ.

Từ sự đánh giá và phân tích như trên, cùng diễn biến tại phiên toà phúc thẩm cho thấy, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án như ở phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đều không bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào mới. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa cũng cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của những người khởi kiện là có căn cứ, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;

2. Ông Vũ Văn B được miễn án phí hành chính phúc thẩm;

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2), phòng HCTP (2b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc